


**A. MẪU ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ  
THẠC SĨ - ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HCM</b> <b>KHOA LUẬT DÂN SỰ</b> <b>BỘ MÔN LUẬT DÂN SỰ</b>
---	--

**BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ**

Loại học phần:	Số tín chỉ: 02
<input type="checkbox"/> 1. Khối kiến thức chung <input type="checkbox"/> 2. Khối kiến thức cơ sở bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> 3. Khối kiến thức cơ sở tự chọn <input type="checkbox"/> 4. Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> 5. Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn	Số tiết học: 30
	▪ Lý thuyết: 30
	▪ Thảo luận/thực hành:
Giảng dạy cho chương trình đào tạo:	TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
Học phần tiên quyết	Cá nhân – chủ thể quan hệ pháp luật dân sự
Các yêu cầu khác:	Có thái độ học tập tốt, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm

**1. Mô tả học phần**

Môn học bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể trình bày các vấn đề pháp lý liên quan đến các trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cụ thể như bồi thường thiệt hại do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng, cây cối, súc vật... gây ra và các trường hợp khác. Trên cơ sở lý thuyết về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, các trường hợp bồi thường thiệt hại cụ thể được phân tích từ

cơ sở lý luận đến thực tiễn thông qua nghiên cứu các bản án, vụ việc thực tế. Đây là một trong những nền tảng của pháp luật dân sự nói chung.

## 2. Mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra

- Có những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như những căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, các nguyên tắc bồi thường, điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cũng như xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.

- Có khả năng áp dụng kiến thức để xử lý các vấn đề về nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; hợp đồng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Có khả năng phân tích, bình luận văn bản pháp luật, bản án-quyết định của Tòa án cũng như giải quyết các tình huống pháp lý kết hợp lý luận và thực tiễn.

### **Chuẩn đầu ra:**

<b>Sau khi hoàn thành Học phần, sinh viên có thể<sup>1</sup>:</b>	
<b>VỀ Kiến thức</b>	
<b>[CLO1]</b>	Nhớ những kiến thức cơ bản về khái niệm chung luật dân sự Việt Nam, các trường hợp bồi thường thiệt hại cụ thể theo quy định Bộ luật Dân sự năm 2015
<b>[CLO2]</b>	Nhớ những kiến thức cơ bản về bồi thường thiệt hại do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng, cây cối, súc vật... gây ra và các trường hợp khác.
<b>[CLO3]</b>	Hiểu thế nào là bồi thường thiệt hại, thiệt hại, hành vi trái pháp luật, mối quan hệ nhân quả.
<b>[CLO4]</b>	Liên kết được những quy định chung của luật dân sự với từng quan hệ dân sự cụ thể.
<b>VỀ kỹ năng</b>	

<sup>1</sup> CLO-Course Learning Outcomes-CĐR của học phần. **Quy ước:** Số lượng CLO ấn định là 15 và rải đều trên 3 nhóm CĐR như PLO của Chương trình đào tạo cử nhân Luật.

[CLO5]	Phát hiện ra những điểm bất cập, mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật dân sự; đưa ra chính kiến, nhận xét cá nhân và hướng hoàn thiện.
[CLO6]	Nâng cao kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu.
[CLO7]	Tập luyện kỹ năng bình luận, thuyết trình trước công chúng; đàm phán để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật dân sự
[CLO8]	Nhận thức được vai trò quan trọng của luật dân sự đối với đời sống.
[CLO9]	Nâng cao kỹ năng giải quyết vụ việc thực tiễn
<b>Về thái độ</b>	
[CLO10]	Hiểu và tôn trọng sự tự do ý chí và sự bình đẳng giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự.
[CLO11]	Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu tài liệu tại nhà

**Bảng 1. Ma trận tích hợp Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO<sup>2</sup>)**

CĐR HP	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT-PLO														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO 1	1 <sup>3</sup>														
CLO 2			3												
CLO 3				4											
CLO 4						6									
CLO 5						6									
CLO 6							7								
CLO 7							7								
CLO 8								8							
CLO 9								8							

<sup>2</sup> PLO-Program Learning Outcomes-CĐR của Chương trình đào tạo: chỉ cần ghi ký hiệu của CĐR theo danh mục CĐR của Chương trình đào tạo cử nhân Luật đã được ban hành.

[mặc dù rất hiếm khi xảy ra], Nếu có tình trạng 1 CLO đáp ứng nhiều PLO, các thầy cô tự động thêm dòng, điền nội dung CLO và điền thông tin.]

<sup>3</sup> Cần nêu rõ mức độ của PLO mà CLO được phân công đáp ứng. **Quy ước** theo thang Blom

<b>CLO 10</b>										9					
<b>CLO 11</b>											10				

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### *Chủ đề 1.*

#### **A. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG, VƯỢT QUÁ YÊU CẦU CỦA TÌNH THỂ CẤP THIẾT**

##### **1.1. Điều kiện (các yếu tố cấu thành) của TNBTTH**

1.1.1. Đối với trường hợp vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng

1.1.2. Đối với trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết

##### **1.2. Nội dung của trách nhiệm**

1.2.1. Ấn định mức bồi thường

1.2.2. Trách nhiệm của người bị thiệt hại do hành vi vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng, yêu cầu của tình thế cấp thiết

#### **B. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO NGƯỜI DÙNG CHẤT KÍCH THÍCH GÂY RA**

##### **1.3. Các yếu tố cấu thành trách nhiệm BTTH**

1.3.1 Hành vi trái pháp luật

1.3.2 Thiệt hại

1.3.3 Mối quan hệ nhân quả

1.3.4 Lỗi

##### **1.4. Nội dung của trách nhiệm**

1.4.1. Chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường

1.4.2. Phạm vi bồi thường thiệt hại

#### ***Chủ đề 2.* BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO NGƯỜI CỦA PHÁP NHÂN, NGƯỜI LÀM CÔNG, HỌC NGHỀ GÂY RA**

## **2.1. Các khái niệm**

2.1.1. Khái niệm pháp nhân, người của pháp nhân

2.1.2. Khái niệm người làm công, học nghề

## **2.2. Điều kiện của TNBT**

2.2.1. Hành vi trái pháp luật

2.2.2. Thiệt hại thực tế

2.2.3. Quan hệ nhân – quả

2.2.4. Lỗi

Lỗi của bản thân người trực tiếp gây thiệt hại.

Làm theo chỉ đạo của cấp trên.

Lỗi của người điều hành, lãnh đạo.

### **2.3. Nội dung của trách nhiệm**

2.3.1. Chủ thể bồi thường

2.3.2. Trách nhiệm của người trực tiếp gây thiệt hại

2.2.3. Nghĩa vụ hoàn trả

## ***Chủ đề 3. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ GÂY RA***

### **3.1. Khái niệm**

3.1.1. Công vụ

3.1.2. Người thi hành công vụ

### **3.2. Điều kiện của TNBTTH**

3.2.1. Hành vi gây thiệt hại

3.2.2. Thiệt hại thực tế

3.2.3. Quan hệ nhân – quả

3.2.4. Lỗi?

### **3.3. Nội dung của trách nhiệm bồi thường**

3.3.1. Xác định người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại

3.3.2. Trách nhiệm của người trực tiếp gây thiệt hại (người chuyển công tác, người đã về hưu, cán bộ công chức đã chết...)

3.3.3. Khi có sự tham gia của nhiều người, nhiều cơ quan

3.3.4. Thủ tục bồi thường, thủ tục hoàn trả, thời hiệu khởi kiện

## ***Chủ đề 4. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VẬT BẤT ĐỘNG GÂY RA***

### **4.1. Khái niệm và các trường hợp**

#### 4.1.1. Khái niệm vật bất động

- Cơ sở lý luận và pháp lý

#### 4.1.2. Các trường hợp cụ thể

- Cây cối

- Nhà ở, công trình xây dựng khác

### **4.2. Điều kiện của TNBT**

#### 4.2.1. Việc gây thiệt hại là trái pháp luật

#### 4.2.2. Thiệt hại thực tế

#### 4.2.3. Quan hệ nhân – quả

#### 4.2.4. Lỗi

### **4.3. Nội dung của trách nhiệm**

#### 4.3.1. Xác định chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường

#### 4.3.2. Trách nhiệm của người liên quan

- Nhà thầu thi công

- Người thiết kế

- Cung cấp vật liệu

- Người trồng cây

- Người quản lý

#### 4.3.3. Bất khả kháng, lỗi của người thứ ba và lỗi của người bị thiệt hại

## ***Chủ đề 5. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO ĐỘNG VẬT GÂY RA***

### **5.1. Khái quát động vật**

- Súc vật

- Vật nuôi

### **5.2. Điều kiện của TNBTTH**

#### 5.2.1. Việc gây thiệt hại là trái pháp luật

5.2.2. Thiệt hại thực tế

5.2.3. Quan hệ nhân – quả

5.2.4. Lỗi

- Nguyên tắc trách nhiệm nghiêm ngặt.

### **5.3. Nội dung của trách nhiệm**

5.3.1. Trách nhiệm của chủ sở hữu, người quản lý

5.3.2. Trách nhiệm của người thứ ba

5.3.3. Trách nhiệm của người bị thiệt hại trong trường hợp người bị thiệt hại có lỗi

## **Chủ đề 6. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ GÂY RA**

### **6.1. Khái niệm, phân loại**

6.1.1. Khái niệm nguồn nguy hiểm cao độ

6.1.2. Các loại nguồn nguy hiểm cao độ

### **6.2. Điều kiện của TNBTTH**

6.2.1. Việc gây thiệt hại là trái pháp luật

6.2.2. Thiệt hại thực tế

6.2.3. Quan hệ nhân – quả

6.2.4. Vai trò của yếu tố lỗi

- Nguyên tắc trách nhiệm khách quan.

- Lỗi trong quản lý, sử dụng, chiếm hữu

### **6.3. Nội dung của trách nhiệm**

6.3.1. Trách nhiệm của chủ sở hữu, người sử dụng, người quản lý

6.3.2. Trách nhiệm của người thứ ba

6.3.3. Trách nhiệm của người bị thiệt hại trong trường hợp người bị thiệt hại có lỗi

6.3.4. Bất khả kháng

## **Chủ đề 7. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ**

### **7.1 BTTH do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ**



7.1.1. Điều kiện của trách nhiệm (hành vi trái pháp luật, loại thiệt hại nào được bồi thường, mối quan hệ nhân quả)

7.1.2. Nội dung của trách nhiệm

## **7.2. BTTH do gây ô nhiễm môi trường**

7.2.1. Điều kiện của trách nhiệm

7.2.2. Nội dung, thủ tục của trách nhiệm

### **7.3. BTTH do xâm phạm tới quyền lợi người tiêu dùng**

7.3.1. Điều kiện của trách nhiệm

7.3.2. Nội dung, thủ tục của trách nhiệm

## **4. Tài liệu phục vụ học phần**

### **4.1. Giáo trình chính<sup>4</sup>**

- Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
- Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam Tập II*, NXB Công an nhân dân.

### **4.2. Văn bản pháp luật**

- + Bộ luật Dân sự năm 2015
- + Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- + Luật Bảo vệ môi trường;
- + Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước.
- + Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2015 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;
- + Thông tư 173 - UBTP ngày 23/03/1972 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

### **4.3. Tài liệu tham khảo thêm**

#### **4.3.1. Sách, giáo trình**

- Đỗ Văn Đại (2014), *Pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng - Bản án và bình luận bản án Tập 1,2*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Đỗ Văn Đại và Nguyễn Trương Tín (2014), *Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần Thị Huệ (Chủ biên) (2013), *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra theo pháp luật dân sự Việt Nam*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

---

<sup>4</sup> Không sử dụng quá 2 tài liệu giáo trình chính

- Hoàng Thế Liên (chủ biên) (2013), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự 2005 Tập I, II*, NXB Chính trị quốc gia.
- Lê Đình Nghị (chủ biên) (2009), *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Xuân Quang, Lê Nét và Nguyễn Hồ Bích Hằng (2007), *Luật dân sự Việt Nam*, NXB Đại học quốc gia.
- Phùng Trung Tập (2009), *Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, sức khỏe và tính mạng*, NXB Hà Nội.
- Xaca Vacaxum, Tori Aritdumi (Nguyễn Đức Giao, Lưu Tiến Dũng dịch), (1995), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự Nhật Bản*, NXB Chính trị Quốc gia...

#### **4.3.2. Bài viết đăng trên báo, tạp chí, hội thảo khoa học**

- Phạm Kim Anh (2003), “Khái niệm lỗi trong trách nhiệm dân sự”, *Khoa học pháp lý*, (03).
- Phạm Kim Anh (2009), “Trách nhiệm dân sự và chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong BLDS 2005 - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện”, *Khoa học pháp lý*, (06).
- Phan Thị Hải Anh, Điều Ngọc Tuấn (2014), “Vấn đề xác định thiệt hại trong bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm hại”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (10).
- Trần Việt Anh (2011), “So sánh trách nhiệm dân sự trong hợp đồng và trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (04).
- Phạm Văn Bằng (2013), “Chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, những vấn đề đặt ra khi sửa đổi Bộ luật dân sự 2005”, *Tạp chí Dân chủ & Pháp luật*, (4).
- Bộ Tư pháp, Vụ pháp luật Dân sự - Kinh tế (2012), *Báo cáo tổng hợp kết quả tọa đàm khoa học về sửa đổi Bộ luật dân sự*, Hà Nội.

- Bộ Tư pháp (2012), *Báo cáo về quan điểm và định hướng lớn trong xây dựng Bộ luật dân sự (sửa đổi)*, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Cương, Chu Thị Hoa (2005), “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, (04).
- Đỗ Văn Đại (2010), “Lỗi, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (02).
- Đỗ Văn Đại (2014), “Tác động của các quy định mới trong Hiến pháp năm 2013 tới pháp luật dân sự”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (11).
- Đỗ Văn Đại, Nguyễn Trương Tín (2013), “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người khác gây ra”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (05).
- Bùi Thị Thanh Hằng, Đỗ Giang Nam (2012), “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tác động của tài sản gây ra dưới góc nhìn so sánh”, *Một số vấn đề về pháp luật dân sự - so sánh giữa pháp luật CHLB Đức, Cộng hòa Pháp, Nhật Bản và Việt Nam*, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Hợi (2011), “Những hạn chế và bất cập trong việc xác định thiệt hại khi sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (14).
- Đoàn Đức Lương (2014), “Những khó khăn trong việc xác định chủ thể bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (20).
- Nhà Pháp luật Việt - Pháp (2011), *Kỷ yếu Tọa đàm Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Hà Nội.

- Nguyễn Minh Oanh (2009), “Khái niệm chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phân loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại”, *Trách nhiệm dân sự do tài sản gây ra - Vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hà Nội.
- Đinh Văn Quế (2009), “Một số ý kiến về khoản tiền bù đắp về tinh thần do bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín quy định tại Bộ luật dân sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (20).
- Lê Văn Sua (2014), “Vài suy nghĩ về Điều 621 Bộ luật dân sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (11).
- Đinh Văn Thanh (2009), “Ý nghĩa, đặc điểm và xác định chủ thể của trách nhiệm dân sự do tài sản gây ra”, *Trách nhiệm dân sự do tài sản gây ra - Vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hà Nội.
- Vũ Hồng Thiêm (2003), “Xác định thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của Bộ luật dân sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (7).
- Nguyễn Trương Tín (2012), “Tham luận Một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Bộ luật Dân sự

2005", *Thực tiễn thi hành các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 - Những khó khăn, vướng mắc và định hướng hoàn thiện*, TP.Hồ Chí Minh.

- Vũ Thị Hồng Yên (2012), “Bàn về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản gây thiệt hại”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (11)...

## 5. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học <sup>5</sup>	Nội dung	Cách thức thực hiện <sup>6</sup>
1	Khái quát về bồi thường thiệt hại	Thuyết giảng
2	Bồi thường thiệt hại do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng	Thuyết giảng
3	Bồi thường thiệt hại do vượt quá yêu cầu tình thế cấp thiết	Thuyết giảng
4	Bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra	Thuyết giảng + Thảo luận
5	Bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân, người làm công, người học nghề gây ra	Thuyết giảng + Bài tập nhóm
6	Thảo luận và thuyết trình về các trường hợp bồi thường thiệt hại đã học	Thảo luận
7	Bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra	Thuyết giảng
8	Bồi thường thiệt hại do vật bất động gây ra	Thuyết giảng

<sup>5</sup> Các GV phân bổ dung lượng bài học theo buổi học sẽ giảng dạy trên thực tế. 1 TC tương đương 15 tiết tín chỉ, 2 tiết TC là 1 ca học. Do vậy, môn có 1TC sẽ có 8 buổi, môn 2TC có 15 buổi, môn 3TC có 23 buổi.

<sup>6</sup> Tham khảo yêu cầu của Điều 4.3 Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019

1. 100% đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp *các phương pháp giảng dạy/học tập* nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các *kỹ năng* thiết yếu, kỹ năng mềm.

2. Tất cả đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động *tự nghiên cứu/tự học* nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng *học tập suốt đời* cho người học.

Buổi học <sup>5</sup>	Nội dung	Cách thức thực hiện <sup>6</sup>
9	Bồi thường thiệt hại do động vật gây ra	Thuyết giảng + Thảo luận
10	Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra	Thuyết giảng + Bài tập nhóm
11	Bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	Thuyết giảng
12	Bồi thường thiệt hại do gây ô nhiễm môi trường	Thuyết giảng
13	Bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng	Thuyết giảng + Phân tích tình huống thực tiễn
14	Thảo luận và thuyết trình về các trường hợp bồi thường thiệt hại đã học	Thuyết trình
15	Ôn tập và kiểm tra	Kiểm tra

*[Tham khảo: Đây là thông tin rất quan trọng đối với giảng viên, sinh viên và người quản lí. Do đặc thù của hình thức tổ chức dạy học theo học chế tín chỉ, mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dưới các hình thức chủ yếu: lí thuyết, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu.*

*Do vậy ở mỗi nội dung, giảng viên/nhóm giảng viên phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên. GV cần điền các nội dung: Buổi học, Nội dung buổi học, hình thức dạy học, công việc sinh viên cần làm trước khi đến lớp.]*

## 6. Phương thức đánh giá

Hình thức	Số lượng	Thời điểm	% điểm số	CLO																
				1	2	3	...							10	11	12	13	14	15	
Bài kiểm	1	KT hỏi đáp trên lớp trong tiết	10														x	x	x	

Hình thức	Số lượng	Thời điểm	% điểm số	CLO															
				1	2	3	...							10	11	12	13	14	15
tra tại lớp		giảng lý thuyết																	
Thảo luận nhóm	1	Bài tập lớn khi thảo luận	20	x	x	x				x									
Thi cuối khóa	1	Cuối khóa	70	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x				x	x

### 7. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Căn cứ vào các phương thức đánh giá trên, bộ công cụ và tiêu chí đánh giá (Rubrics) cho từng phương thức đánh giá trong học phần bao gồm:

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
<b>Rubric 1:</b> <b>Đánh giá chuyên cần</b>	<b>Dự học trên lớp (50%)</b>	Dự học trên lớp rất đầy đủ: 90-100(%)	Dự học trên lớp đầy đủ: 75- <90(%)	Dự học trên lớp khá đầy đủ: 55- <75(%)	Dự học trên lớp chưa đầy đủ: 40- <55(%)	Dự học trên lớp quá ít: <40(%)
	<b>Đóng góp tại lớp (50%)</b>	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học là hiệu quả	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả	Có tham gia các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không có đóng góp tại lớp
<b>Rubric 2:</b> <b>Đánh giá bài tập</b>	<b>Nộp bài tập (20%)</b>	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian	Nộp bài đầy đủ (100%); hầu hết đúng thời	Nộp bài đầy đủ (100%); một số nhất định chưa	Nộp bài tập khá đủ (70%); nhiều bài tập	Không nộp bài tập



Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		quy định	gian quy định	đúng thời gian quy định	chưa đúng thời gian quy định	
	<b>Trình bày bài tập (30%)</b>	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, thể thức văn bản, logic chặt chẽ; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ	Trình bày đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú)	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng không phù hợp	Không có bài tập
	<b>Nội dung bài tập (50%)</b>	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; lập luận logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu; lập luận đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ, nhưng chưa thật hợp lý; còn một số sai sót trong lập luận, kiến thức.	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác	Không có bài tập
<b>Rubric 3: Đánh giá thuyết trình</b>	<b>Nội dung báo cáo (50%)</b>	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp,	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp,	Phù hợp cơ bản với yêu cầu; hình ảnh minh họa và giải thích chưa rõ ràng	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video và giải thích cụ thể kiến thức trên video/bản trình chiếu	rõ ràng, phong phú; có sử dụng video/bản trình chiếu	rõ ràng		
	<b>Trình bày slide (25%)</b>	Slide trình bày có bố cục 3 phần (giới thiệu, phần chính, kết luận) rõ ràng, hợp logic; thuật ngữ được sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện được sự thuần thực trong trình bày và sử dụng ngôn ngữ	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic; thể hiện được sự thuần thực trong trình bày	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic	Slide trình bày có số lượng thích hợp; sử dụng từ và hình ảnh tương đối rõ ràng	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định
	<b>Thuyết trình (25%)</b>	Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng; âm giọng rõ ràng, lưu loát,	Phần trình bày khá súc tích; sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu; âm giọng rõ	Phần trình bày theo bố cục rõ ràng; âm giọng vừa phải, dễ nghe; đôi lúc	Phần trình bày đầy đủ; âm giọng thấp, một số từ không rõ;	Phần trình bày không logic; sử dụng từ không

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		cuốn hút và tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	ràng, lưu loát; tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	tương tác và người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	sử dụng từ còn phức tạp; chưa có tương tác; thời gian trình bày chưa đúng quy định	đúng, âm giọng thấp, không rõ; người nghe không hiểu; vượt quá thời gian quy định
<b>Rubric 4:</b> <b>Đánh giá báo cáo</b>	<b>Nội dung báo cáo (60%)</b>	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; lập luận chi tiết, rõ ràng, hợp lý, có logic chặt chẽ; kết quả lập luận chính xác, được phân tích, giải thích hoàn toàn thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận chính xác nhưng giải thích thiếu cụ thể, ít thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần chưa hợp lý; kết quả lập luận có chỗ chưa chính xác, giải thích không thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần không hợp lý; kết quả lập luận không cụ thể, nhiều chỗ sai, giải thích không thuyết phục	Không có nội dung hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không đúng yêu cầu
	<b>Thuyết minh báo cáo (20%)</b>	Có nội dung hoàn toàn phù hợp; cấu trúc logic chặt chẽ;	Có nội dung khá phù hợp; cấu trúc logic khá chặt chẽ;	Có nội dung và trình tự trình bày phù hợp; hình ảnh, bảng	Có nội dung phù hợp nhưng trình bày	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng rất thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh	hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng khá thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh	biểu và các ghi chú chưa đầy đủ; còn một số lỗi về trình bày và chính tả; sử dụng được máy tính khi trình bày	không hợp lý; hình ảnh, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung; nhiều hạn chế trong việc sử dụng được máy tính	đáp ứng yêu cầu hay không đúng với nội dung báo cáo
	<b>Biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh (20%)</b>	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú rất hợp lý; thể hiện việc sử dụng thành thạo biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh; có thể ứng dụng kiến thức đã nghiên cứu	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh hợp lý; thể hiện việc sử dụng khá thành thạo công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính;	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh rõ ràng; sử dụng được công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính; có một số lỗi về chính tả.	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh không rõ ràng, có chỗ bị thiếu; sử dụng công cụ	Không có, hoặc biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh không đáp ứng yêu cầu, không đúng với nội dung báo cáo

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		vào học tập và đời sống			bản trên máy tính còn nhiều hạn chế	
<b>Rubric 5: Đánh giá làm việc nhóm</b>	<b>Tô chức nhóm (30%)</b>	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng, phát huy được thế mạnh từng thành viên	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng của từng thành viên	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, nhưng có phần chưa phù hợp với khả năng của từng thành viên	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên không cụ thể	Không có nhóm hoặc không làm việc nhóm
	<b>Chuyên cần(20%)</b>	Tham gia 90-100 (%)	Tham gia 75-<90 (%)	Tham gia 55-<75 (%)	Tham gia 40-<55 (%)	<40 (%)
	<b>Thảo luận nhóm (30%)</b>	Luôn tham gia thảo luận nhóm; có đóng góp tích cực và hiệu quả cho các cuộc thảo luận nhóm	Luôn tham gia và có đóng góp tích cực cho các cuộc thảo luận của nhóm	Có tham gia và có đóng góp cho các cuộc thảo luận của nhóm	Thỉnh thoảng có tham gia và ít đóng góp cho thảo luận nhóm	Không tham gia thảo luận nhóm
	<b>Phối hợp nhóm (20%)</b>	Tích cực hợp tác, phối hợp với các thành viên và với nhóm; luôn tôn trọng và chia sẻ kinh	Luôn hợp tác, phối hợp với thành viên và với nhóm; tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Có hợp tác, phối hợp với thành viên và với nhóm; có chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Thỉnh thoảng có hợp tác, phối hợp nhóm; ít chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Không hợp tác và phối hợp nhóm

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		nghiệm với thành viên				
<b>Rubric 6:</b> <b>Tham gia các buổi hướng dẫn làm bài tập lớn theo nhóm của giảng viên</b>	Tổ chức nhóm (20%)	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm tốt	Mỗi thành viên trong nhóm có nhiệm vụ riêng những chưa rõ ràng, chưa thật phù hợp với khả năng của mỗi người; sự phối hợp làm việc chưa thật sự tốt	Trách nhiệm, việc làm của mỗi thành viên nhóm không rõ ràng; không phù hợp với khả năng của mỗi người; chưa có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên	Nhóm bị phá vỡ; các thành viên không được phân công nhiệm vụ; không có liên kết, phối hợp nhóm
	Chuyên cần (10%)	90-100 (%)	75-<90(%)	55-<75(%)	40-<55(%)	<40(%)
	Thảo luận (20%)	Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến rất hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Có tham gia thảo luận nhóm; một số ý kiến đóng góp có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm; ít có ý kiến đóng góp trong nhóm	Không tham gia và không thực hiện thảo luận nhóm
Nội dung theo quy định (20%)	Đầy đủ 100% nội dung lập luận theo quy định; trình tự	Đầy đủ 100% nội dung lập luận theo quy định; trình tự	Nội dung lập luận đầy đủ theo tiến độ quy định; trình	Nội dung lập luận không đầy đủ (<50%); kết	Không có nội dung lập luận	

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; sử dụng phần mềm lập luận hợp lý	lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; có sử dụng phần mềm lập luận nhưng chưa thật hợp lý	tự lập luận hợp lý; một số kết quả lập luận có sai sót, nhầm lẫn	quả lập luận có nhiều sai sót, nhầm lẫn; trình tự các bước lập luận không hợp lý	
	Trình bày thuyết minh (15%)	Nội dung rất phù hợp; cấu trúc hợp lý; hình vẽ, bảng biểu, chú thích được trình bày khoa học; sử dụng phần mềm trong thuyết minh hiệu quả	Nội dung phù hợp; cấu trúc thuyết minh rõ ràng; ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu đầy đủ, ít sai sót	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp; tuy nhiên còn một số lỗi chính tả, nhầm lẫn về ghi chú, giải thích các kiến thức, thông số, bảng biểu...	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu; ký hiệu được sử dụng trong thuyết minh không phù hợp	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh sơ sài và quá nhiều sai sót
	Bản file kết quả (15%)	Thể hiện đầy đủ, rất chi tiết và khoa học; sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo; có thể ứng dụng kiến thức đã nghiên cứu vào học tập và	Thể hiện đầy đủ, đúng nội dung theo yêu cầu; sắp xếp, trình bày file kết quả hợp lý, đúng thể thức văn bản; ghi chú rõ ràng, chi tiết	Thể hiện đầy đủ các hình ảnh theo yêu cầu song sắp xếp chưa phù hợp, còn một số lỗi nhỏ về trình bày; nội dung file kết quả đúng yêu cầu,	Thể hiện không đầy đủ, không rõ ràng; chi tiết các thành phần, nội dung file kết quả đúng yêu cầu song có nhiều sai sót,	Không có hoặc file kết quả quá sơ sài; nội dung theo yêu cầu không đúng

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		đời sống		ghi chú đầy đủ	chưa đúng về thể thức văn bản; ghi chú không phù hợp	

### 8. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, theo lịch trình đã có Trình bày đầy đủ và căn bản nội dung theo yêu cầu của từng buổi học
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia lớp đúng giờ, làm bài tập và các công việc khác theo yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp	Đầy đủ, đúng giờ quy định
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, không làm việc riêng
Quy định về học vụ	
Các quy định khác	

### 9. Thông tin liên hệ

Bộ môn/Khoa phụ trách:	Bộ môn Luật Dân sự, Khoa Luật Dân sự
Văn phòng:	A202, CS Nguyễn Tất Thành
Điện thoại:	02839400989
Người phụ trách:	TS. Nguyễn Phương Thảo
Email:	npthao@hcmulaw.edu.vn

### 10. Thông tin cán bộ tham gia giảng dạy

<b>Giảng viên giảng dạy:</b>	
Tên: Nguyễn Phương Thảo	Học vị: Tiến sĩ
Email: npthao@hcmulaw.edu.vn	Số điện thoại cơ quan: 02839400989
<b>Giảng viên hỗ trợ (trợ giảng):</b>	
Tên:	Học vị:



Email:	Số điện thoại cơ quan:
Cách liên lạc với giảng viên:	<b>Trực tiếp hoặc qua email</b>

<b>NGƯỜI BIÊN SOẠN</b>	<b>TRƯỞNG BỘ MÔN</b>	<b>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA</b>
<b>Nguyễn Phương Thảo</b>	<b>Nguyễn Phương Thảo</b>	<b>Nguyễn Xuân Quang</b>